TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2024
V/v *"Ly hôn giữa chị Linh và anh Hùng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Khánh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Sơn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
(Nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mỹ L đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2024 và quá trình tham gia tố tụng, chị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn H đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2022, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn tình cảm, không còn tiếng nói chung, anh H còn có hành vi đánh đập chị, vợ chồng ly thân một thời gian, sau đó có quay về chung sống lại nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm. Hiện tại, hai người không còn chung sống, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 23/12/2014. Khi ly hôn, chị xin quyền

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Chị đồng ý chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Tấn H đề nghị xét xử vắng mặt, quá trình tham gia tố tụng anh gửi ý kiến trình bày:

Vì lý do đi làm xa về không được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị L. Anh đồng ý giao con cho chị L và không tranh chấp tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thẩm quyền thụ lý vụ án để áp dụng các quy định pháp luật giải quyết, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký được phân công nhiệm vụ đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Chị L và anh H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân của chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh H.
- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 2009 và Nguyễn Tấn K, sinh năm 2014 cho chị L nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị L và các con không yêu cầu.
- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Tấn H và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn – anh Nguyễn Tấn H có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Tấn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa anh chị là là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa chị L và anh H xảy ra mâu thuẫn, chị L trình bày hai vợ chồng đã không còn sống chung 01 năm nay, vợ chồng từng có thời gian ly thân sau đó có quay về chung sống nhưng cũng không được vì không còn tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau, anh H còn có hành vi đánh đập chị. Nhận thấy mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên chị đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo nội dung khởi kiện của chị L và không có ý kiến phản đối. Điều này chứng tỏ anh không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị L và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:*

Chị L và anh H có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 23/12/2014. Khi ly hôn, chị L xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, các con cũng nguyện vọng ở với mẹ (chị L), không ai yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng đồng ý giao con cho chị L chăm sóc.

Xét ý kiến của chị L, anh H, nguyện vọng của các con chung, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và qua tham khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy đủ căn cứ chấp nhận ý kiến của chị L: Giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 23/12/2014. Không ai có yêu cầu hay ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Không đương sự nào yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Tấn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987 và anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1985.

- *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 23/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Tấn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con

thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Tấn H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0002066 ngày 22/5/2024. Chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Mỹ L và bị đơn – anh Nguyễn Tấn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Quảng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thùy Dung